TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/DSST
Ngày: 22-3-2018.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hưởng**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Ông Mai Trần Phúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Ông Lê Xuân Hồng Vinh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16 /2018/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N**,** sinh năm 1983

Địa chỉ: tổ 11, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1975; vắng mặt.

Ông Đặng Văn T, sinh năm 1972; có mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 10, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018 cùng các lời khai tại tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N (nguyên đơn) trình bày:

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh buộc Bà Huỳnh Thị T và Ông Đặng Văn T trả số tiền vay là 70.000.000 đồng, không tính lãi, cụ thể:

Ngày 17/01/2017 (AL) chị có cho Bà Huỳnh Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy nợ viết tay do bà T viết và ký tên, ghi họ tên.

Ngày 19/01/2017 (AL) chị có cho Bà Huỳnh Thị T vay số tiền 30.000.000 đồng, có làm giấy nợ viết tay do bà T viết và ký tên, ghi họ tên.

Ngày 04/5/2017 (AL) chị có cho Bà Huỳnh Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy nợ viết tay do bà T viết và ký tên, ghi họ tên.

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, bà T nói khi nào chị cần tiền thì nói để bà T hoàn lại số tiền nêu trên cho chị. Bà T đóng lãi cho chị số tiền vay 50.000.000 đồng là 05 tháng (từ tháng 02/2017 đến tháng 06/2017 AL) số tiền 7.500.000 đồng (1.5000 đồng/tháng). Từ tháng 7/2017 AL bà T ngưng đóng lãi. Tiền vay 20.000.000 đồng ngày 04/5/2017 AL, tiền lãi 02 tháng (Tháng 6, 7) là 1.200.000 đồng. Từ tháng 8/2017Al bà T ngưng đóng lãi cho chị, chị có qua nhà nhiều lần nhưng không gặp bà T.

Khi bà T vay tiền chị chị có hỏi bà T có nói với ông T biết việc mượn tiền không thì bà T nói có hỏi qua chồng rồi mới qua mượn, bà T mượn tiền về để mua rơm và mua bông để làm nấm rơm.

Tổng số tiền bà T còn nợ chị là 70.000.000 đồng.

Về án phí: Yêu cầu Bà T, ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị N đồng ý tính lãi đã nhận lại theo mức lãi suất 0,75%/tháng, nếu khấu trừ tiền lãi suất còn dư thì trừ vào tiền vay gốc.

Chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N đã nộp cho Tòa án: Bản sao chứng minh nhân dân; Bản sao hộ khẩu; Bản chính giấy bà T mượn tiền.

*** Ông Đặng Văn T – bị đơn trình bày:**

Ông là chồng của Bà Huỳnh Thị T, vợ chồng ông chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Do làm ăn lỗ lã nên tháng 07/2017 (AL) bà T bỏ nhà đi đâu không biết, bà T có điện thoại về báo gia đình bà bỏ đi làm có tiền trả nợ hết mới về, gia đình đừng đi tìm nữa. Việc bà T chơi hụi và vay mượn của ai ông không biết, hàng ngày ông làm nghề trồng nấm rơm, mỗi khi làm ăn lời ông có đem tiền về đưa cho vợ ông, khi ông thiếu tiền làm ăn thì ông hỏi vợ ông đưa tiền nhưng ông không biết tiền đó là tiền vay hay tiền hụi.

Nay chị N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh buộc vợ chồng ông trả số tiền vay là 70.000.000 đồng, không tính lãi. Tại phiên tòa chị N đồng ý tính tiền lãi đã nhận là 0,75%/tháng, nếu tiền lãi suất còn dư khấu trừ vào gốc ông đồng ý trả số tiền vay trên cho chị N với điều kiện bà T phải về để đối chứng việc vay mượn này. Hiện nay bà T đã bỏ đi đâu ông không biết, gia đình không liên lạc được với bà T.

Bị đơn Bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N hư, bà T, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn là ông T có mặt, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về tiền nợ gốc: Chị N yêu cầu ông T, bà T trả tổng cộng số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng không tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền ngày 17/01/2017 thì chị N có cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 19/01/2017 vay 30.000.000 đồng. Ngày 14/5/2017 vay tiếp 20.000.000 đồng viết chung một giấy nợ, hai bên thỏa thuận khi nào chị N cần thì thông báo cho bà T thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và chị N đã thông báo cho ông T, bà T trả số tiền nêu trên nhưng ông T, bà T không thực hiện nên chị N yêu cầu bà T, ông T trả số tiền vay 70.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về tiền lãi: Chị N yêu cầu ông T, bà T trả gốc không tính lãi, nhưng chị N khai đã nhận của bà T tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000 đồng là 05 tháng số tiền 7.500.000 đồng (Từ tháng 2/2017Al đến tháng 6/2017 AL lãi suất 3%/tháng x 1.500.000 đồng/tháng x 5 tháng); Tiền gốc 20.000.000 đồng lãi suất 02 tháng là 1.200.000 đồng (Từ tháng 6,7/2017Al, 3%/tháng x 600.000 đồng x 2 tháng). Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền ngày 17/01/2017; ngày 19/01/2017 và ngày 04/5/2017 AL thì giữa chị N và ông T, bà T không có thỏa thuận về tiền lãi suất là 3%/tháng nhưng tại phiên tòa chị N không yêu cầu tính lãi, nhưng chị N xác định đã nhận của bà T 8.700.000 đồng tiền lãi là vượt quá quy định của pháp luật nên chị N yêu cầu tính lại là 0,75%/tháng (tương đương 9%/năm) tiền lãi 05 tháng của số tiền vay gốc 50.000.000 đồng là 1.875.000 đồng ; tiền lãi 02 tháng của số tiền vay gốc 20.000.000 đồng là 300.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi suất là 2.175.000 đồng. Như vậy tiền lãi đã nhận 8.700.000 đồng – 2.175.000 đồng còn lại 6.525. 000 đồng được trừ vào nợ gốc là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Bị đơn Bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về tiền vay nợ gốc và lãi suất nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà T.

Bị đơn Ông Đặng Văn T (chồng bà T) xác định bà T vay tiền thiếu của chị N bao nhiêu tiền ông không biết, vì bà T đã bỏ nhà đi do làm ăn bị thua lỗ dẫn đến nợ nần, ông đồng ý trả tiền cho chị N nhưng phải có mặt bà T để đối chứng số tiền vay của chị N hư. Ông T xác định ông làm nấm rơm không có tiền thì kêu bà T đưa tiền nhưng ông không biết tiền đâu bà T có, như vậy việc bà T vay tiền của chị N ông T không trực tiếp vay nhưng bà T vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ với bà T là hợp lý.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử buộc ông T, bà T trả cho chị N số tiền 63.475.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Bà Huỳnh Thị T và Ông Đặng Văn T trả cho Chị N guyễn Ngọc Quỳnh N số tiền 63.475.000 (Sáu mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: bị đơn Ông Đặng Văn T, Bà Huỳnh Thị T phải chịu 3.173.750 (Ba triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Chị Nguyễn Ngọc Quỳnh N được nhận lại số tiền 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018689 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi chục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Hưởng